TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐST-HNGĐ	

L, ngày 17 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 299/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị M**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông **Thân Văn P**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh L.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị M và ông Thân Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận bà Bùi Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Thân Thị Yến N, sinh ngày 30/9/2020; giao ông Thân Văn P được quyền trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Thân Thị Yến V, sinh ngày 15/11/2014 cho đến ngày các con chung thành niên; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Bà Bùi Thị M nhận chịu số tiền 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0000972 ngày 17 ngày 6 tháng 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – L (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh L cũ). Hoàn trả cho bà Bùi Thị M 150.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 2 – L;
- THADS tỉnh L;
- UBND xã H, tỉnh L (số 22, quyển số 01/2012 ngày 14/4/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Yến Như